

Số: 5109/SYT-NVY
V/v tổng hợp báo cáo kết quả thực
hiện công tác người khuyết tật và
người cao tuổi năm 2021

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

Sở Y tế nhận được Công văn số 3315/SLĐTBOXH-BTXHTEBDG ngày 29/10/2021 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội về việc báo cáo kết quả ước thực hiện chính sách trợ giúp xã hội năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2021.

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp báo cáo các đơn vị, Sở Y tế báo cáo kết quả thực hiện công tác người khuyết tật và người cao tuổi năm 2021 như sau:

I. Báo cáo kết quả thực hiện công tác người khuyết tật năm 2021 theo Quyết định số 2489/QĐ-BCTNKT ngày 22/10/2021:

1. Kết quả thực hiện

1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Thực hiện nghiêm thông tư số 46/2013/TT-BYT của Bộ Y tế về quy định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ sở PHCN.

- Thực hiện nghiêm các quy chế chuyên môn, Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật chuyên ngành PHCN ban hành kèm theo các Quyết định số 54/QĐ-BYT về việc ban hành “Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật chuyên ngành PHCN”; Quyết định 5737/QĐ-BYT về việc ban hành “Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật chuyên ngành PHCN (Đợt 2)”; Quyết định 2520/QĐ-BYT về việc ban hành “Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật chuyên ngành PHCN (Đợt 3)”; Quyết định 3109/QĐ-BYT về việc ban hành tài liệu “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị chuyên ngành PHCN”; Triển khai thực hiện mẫu hồ sơ bệnh án ban hành kèm theo Quyết định 3730/QĐ-BYT.

1.2. Công tác xây dựng văn bản

- Xây dựng các văn bản triển khai thực hiện các Thông tư, Quyết định cũng như các văn bản chỉ đạo của Bộ Y tế về việc khám chữa bệnh PHCN và PHCN cho người khuyết tật. Xây dựng tài liệu “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh thường gặp tại bệnh viện” bao gồm cả PHCN cho các bệnh lý liệt nửa người do TBMMN, liệt 2 chân và liệt tứ chi do tổn thương tủy sống, teo cơ giả phì đại, viêm đa rễ và dây thần kinh,...; thường xuyên cập nhật và xây dựng bổ sung các Quy trình kỹ thuật YHCT và PHCN thực hiện tại các đơn vị.

- Xây dựng các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện mẫu hồ sơ bệnh án chuyên ngành PHCN ban hành kèm theo Quyết định 3730/QĐ-BYT.

1.3. Tuyên truyền, phổ biến Công ước và pháp luật về người khuyết tật

- Các đơn vị phổ biến, truyền thông giáo dục sức khỏe trên loa truyền thanh về Luật người khuyết tật, quyền và lợi ích của người khuyết tật, hướng dẫn chăm sóc sức khỏe người khuyết tật, PHCN dựa vào cộng đồng đối với người khuyết tật. Thực hiện tuyên truyền và hướng dẫn người bệnh, người nhà tự chăm sóc và phục hồi chức năng tại gia đình.

- Phổ biến, triển khai thực hiện Chỉ thị số 39/CT-TW của Ban Bí thư về việc tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác người khuyết tật; Quyết định 1773/QĐ-BYT của Bộ Y tế về việc ban hành sổ tay hướng dẫn một số biện pháp phòng chống dịch Covid-19 đối với người khuyết tật tại cộng đồng.

1.4. Kết quả thực hiện trợ giúp người khuyết tật thuộc phạm vi trách nhiệm được phân công

- Tiến hành khám, chẩn đoán và điều trị PHCN có hiệu quả đối với một số bệnh lý gây khuyết tật cho người bệnh như liệt nửa người do TBMMN, liệt 2 chân và liệt tứ chi do tổn thương tủy sống, viêm đa rễ và dây thần kinh,...

- Nhân viên y tế thực hiện hướng dẫn người bệnh sử dụng các dụng cụ PHCN, dụng cụ trợ giúp trong sinh hoạt hàng ngày.

2. Đánh giá chung

2.1. Ưu điểm

Được sự quan tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành và các đoàn thể địa phương trợ giúp trong quá trình triển khai thực hiện công tác.

2.2. Tồn tại, hạn chế

- Thiếu nhân lực: Công tác khám sàng lọc, phát hiện sớm khuyết tật, công tác hướng dẫn cho người khuyết tật, gia đình người khuyết tật kiến thức PHCN tại nhà còn hạn chế, hơn nữa cán bộ y tế tuyến huyện/thành phố/thị xã và tuyến xã cơ bản chưa được đào tạo chuyên môn sâu về phục hồi chức năng.

- Kinh phí phục vụ công tác khám sàng lọc, phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp phương tiện hỗ trợ cho người khuyết tật còn thấp.

- Mức trợ cấp xã hội cho người khuyết tật thấp không đảm bảo điều kiện sống cơ bản.

- Các dịch vụ hỗ trợ người khuyết tật chưa đồng bộ, thiếu các trung tâm giáo dục đặc biệt, thiếu dụng cụ trợ giúp...

3. Kế hoạch thực hiện năm tiếp theo

3.1. Các nhiệm vụ trọng tâm.

- Tiếp tục phát triển chuyên môn kỹ thuật, triển khai thực hiện các phương pháp mới có hiệu quả trong điều trị và PHCN cho người khuyết tật.

- Tăng cường đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ viên chức, người lao động nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, PHCN

- Tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà người bệnh về quyền và lợi ích được khám chữa bệnh, PHCN của người khuyết tật.

3.2. Bố trí nguồn lực thực hiện.

- Nguồn nhân lực thực hiện công tác khám, chữa bệnh PHCN cho người khuyết tật là cán bộ y tế, bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên PHCN và các cán bộ đã được đào tạo về chuyên ngành phục hồi chức năng.

- Nguồn kinh phí cho công tác khám chữa bệnh, PHCN người khuyết tật chủ yếu là từ nguồn kinh phí Bảo hiểm y tế.

3.3. Kiểm tra, giám sát.

Thực hiện định kỳ và đột xuất kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, thực hiện quy định về mẫu hồ sơ bệnh án PHCN ban hành kèm theo quyết định số 3730/QĐ-BYT; Các quy trình kỹ thuật PHCN ban hành kèm theo quyết định số 54/QĐ-BYT, 5737/QĐ-BYT, 2520/QĐ-BYT; Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị chuyên ngành PHCN ban hành kèm theo quyết định số 3109/QĐ-BYT.

4. Kiến nghị:

4.1. Đối với cơ quan trung ương: Có chế độ chính sách hỗ trợ người khuyết tật khi đến khám chữa bệnh tại các bệnh viện, tăng cường công tác PHCNDVCD, tổ chức đào tạo nghề nghiệp đối với người khuyết tật tại địa phương, giảm thiểu gánh nặng về kinh tế cho gia đình người khuyết tật và cho xã hội.

4.2. Đối với UBND tỉnh và các Sở, ngành liên quan

- Củng cố và phát triển mạng lưới phục hồi chức năng từ tỉnh; huyện/thành phố/thị xã đến xã/phường/thị trấn từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị để nâng cao chất lượng dịch vụ PHCN.

- Đẩy mạnh công tác PHCN dựa vào cộng đồng (PHCNDVCD), phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, can thiệp sớm trẻ khuyết tật để cải thiện chất lượng cuộc sống của NKT về mọi mặt.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên ngành PHCN.

Số liệu theo Mẫu số 06

STT	Nội Dung	Đơn vị tính	Tổng số
1	Số bệnh viện Phục hồi chức năng tuyến trung ương	Bệnh viện	0
2	Số bệnh viện đa khoa tuyến trung ương có khoa/phòng/trung tâm PHCN	Bệnh viện	1
3	Số bệnh viện chuyên khoa tuyến trung ương có khoa/phòng/trung tâm PHCN	Bệnh viện	0
4	Số trường đại học chuyên ngành Y có khoa/bộ môn PHCN	Trường	1
5	Số trường Cao đẳng, trung cấp Y tế có khoa/bộ môn PHCN	Trường	1

6	Tỉnh triển khai chương trình PHCNDVCD cho người khuyết tật	Tỉnh	1
7	Số huyện triển khai chương trình PHCNDVCD cho người khuyết tật	Huyện	5
8	Số xã triển khai chương trình PHCNDVCD cho người khuyết tật	Xã	43
9	Số xã có trạm y tế xã có bố trí cán bộ chuyên trách PHCN	Xã	43
10	Số lượt người khuyết tật được hướng dẫn PHCN dựa vào cộng đồng	Lượt người	3.493
11	Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đảm bảo tiếp cận với người khuyết tật	%	100
11.1	Tuyển trung ương	%	100
11.2	Tuyển huyện	%	100
11.3	Tuyển xã	%	100
12	Sở có xây dựng Kế hoạch trợ giúp người khuyết tật, Đề án trợ giúp người khuyết tật; Kế hoạch thực hiện Công ước trong năm báo cáo	Có/không	Có
13	Ngân sách trung ương được bố trí cho Sở Y tế thực hiện hoạt động trợ giúp người khuyết tật thông qua Đề án trợ giúp người khuyết tật, Kế hoạch thực hiện Công ước, chương trình mục tiêu, đề án liên quan khác	1000đ	

II. Báo cáo kết quả thực hiện công tác người cao tuổi (NCT) năm 2021 theo Biểu 03 tại Quyết định số 2490/QĐ-BCTNCT ngày 22/10/2018:

STT	Nội Dung	Đơn vị tính	Số liệu
1	Số bệnh viện có khoa lão khoa	Bệnh viện	1
2	Số khoa khám bệnh có buồng khám riêng hoặc bố trí bàn khám riêng cho NCT	Khoa	3
3	Số giường điều trị nội trú ưu tiên cho NCT	Giường	158
4	Số nhân viên y tế được đào tạo về lão khoa	Người	13
5	Số NCT được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 01 lần/năm do trạm y tế cấp xã tổ chức thực hiện (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế)	Người	18.200

6	Số NCT được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế)	Người	17.053
7	Số NCT được tuyên truyền phổ biến kiến thức về chăm sóc và tự chăm sóc sức khỏe (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế)	Người	23.314
8	Số NCT bị tàn tật, di chứng chấn thương, tai nạn, tai biến, bệnh mạn tính, bệnh nghề nghiệp... được phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	Người	1.628
9	Số NCT cô đơn, bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được cán bộ y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú (theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế)	Người	963
10	Tỷ lệ NCT có bệnh mạn tính, không lây nhiễm (ít nhất 1 bệnh)	%	66
11	Tỷ lệ NCT đến khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên tổng số lượt người đến khám, chữa bệnh	%	54
12	Số xã, phường xây dựng mạng lưới tình nguyện viên giúp đỡ NCT	Xã	19
13	Số tình nguyện viên chăm sóc NCT tại nhà theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế	Người	296
14	Số CLB của những người mắc bệnh mạn tính theo quy định tại Thông tư số 35/2011/TT-BYT ngày 15/10/2011 của Bộ Y tế	CLB	24

Sở Y tế trân trọng gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc SYT;
- Website SYT Thái Nguyên;
- Lưu: VT, NVY (Thường 05b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Hải